

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN K

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021
(đã được soát xét)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY AND ACCOUNTING NETWORK

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	06-40
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11-40

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2

Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 2 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sông Đà 2 là công ty cổ phần được chuyển đổi theo Quyết định số 2334/QĐ-BXD ngày 19 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty được cấp và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500236821 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 09 tháng 05 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Dương Ngọc Hải	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 07 năm 2021
Ông Nguyễn Văn Ngọc	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 02 tháng 07 năm 2021
Ông Nguyễn Văn Ngọc	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 07 năm 2021
Ông Bùi Xuân Ngọc	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2021
Ông Hoàng Văn Sơn	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2021
Ông Lê Văn Toàn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2021
Ông Nguyễn Vũ Luật	Ủy viên	
Ông Đào Đức Phong	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2021
Ông Nguyễn Hồng Dương	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2021

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Sơn	Tổng Giám đốc	
Ông Đào Đức Phong	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 06 năm 2021
Ông Lê Văn Toàn	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Bình Lục	Trưởng ban	
Ông Lê Tuấn Việt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2021
Bà Trần Thị Kim Chi	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2021
Ông Trần Minh Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2021
Ông Trần Thế Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2021

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2

Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Hoàng Văn Sơn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2021

Số: 130821.009/BCTC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sông Đà 2**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 2 được lập ngày 21 tháng 07 năm 2021, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán số 220321.011/BCTC.KT2 ngày 22 tháng 03 năm 2021 về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Sông Đà 2, chúng tôi đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ về việc không đánh giá được khả năng thu hồi của các khoản công nợ phải thu ngắn hạn cũng như chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của một số công trình. Một số vấn đề này vẫn chưa được Công ty xử lý, khắc phục, do đó chúng tôi tiếp tục đưa kết luận ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021, cụ thể như sau:

1. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục soát xét cần thiết nhưng vẫn không thể đánh giá khả năng thu hồi của các khoản công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng bao gồm "Chi nhánh Sông Đà 406 - Công ty Cổ phần Sông Đà 4", "Chi nhánh Sông Đà 603 - Công ty Cổ phần Sông Đà 6", "Chi nhánh Sông Đà 307 - Công ty Cổ phần Sông Đà 3", "Ban điều hành dự án thủy điện Xe-ca-man 1", "Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên" và "Công ty TNHH Phước An". Ngoài các khoản công nợ nêu trên, tại thời điểm 30/06/2021, chúng tôi cũng không thể đánh giá được khả năng thu hồi của các khoản công nợ phải thu "Công ty Lotte Engineering and construction co.,LTD", "Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1", "Ban điều hành gói thầu số 4 - Tổng Công ty Sông Đà" và "Công ty Cổ phần Điện Việt Lào". Do đó, chúng tôi không xác định được liệu có cần phải điều chỉnh chỉ tiêu "Dự phòng nợ phải thu khó đòi" cũng như các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo hay không.

2. Như Công ty đã trình bày tại Mục 8 - Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, tại ngày 30/06/2021 và 01/01/2021, Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C - công ty con đang ghi nhận khoản phải thu đối thi công vượt khoán công trình với tổng số tiền lần lượt là 19,07 tỷ đồng và 16,53 tỷ đồng không xác định rõ đối tượng. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục soát xét cần thiết nhưng vẫn không thể đánh giá về sự phù hợp của các khoản công nợ nêu trên cũng như ảnh hưởng đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.
3. Như Công ty đã trình bày tại Mục 10 - Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, tại thời điểm 30/06/2021 và 01/01/2021, Công ty đang theo dõi các khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của "công trình thủy điện Xekaman 1" và "công trình cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi". Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục soát xét cần thiết nhưng vẫn không thể đánh giá tổn thất (nếu có) của các khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang này tại thời điểm lập báo cáo tài chính; do đó, chúng tôi không xác định được các điều chỉnh cần thiết đến chỉ tiêu "Hàng tồn kho" cũng như các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 2 tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biền

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		462.689.614.731	462.973.811.494
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	15.975.012.180	2.382.028.672
111	1. Tiền		15.975.012.180	2.382.028.672
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		252.930.280.798	270.428.191.654
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	213.016.258.140	229.049.292.563
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	8.514.968.574	11.722.165.024
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	45.642.687.304	43.900.367.287
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(17.400.992.254)	(17.400.992.254)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý	7	3.157.359.034	3.157.359.034
140	IV. Hàng tồn kho	10	186.004.057.564	185.419.844.557
141	1. Hàng tồn kho		186.004.057.564	185.419.844.557
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		7.780.264.189	4.743.746.611
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	850.197.616	1.278.070.495
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		6.930.066.573	3.276.440.450
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	-	189.235.666
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		34.698.558.966	41.054.898.066
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.689.232.090	1.660.797.801
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	1.689.232.090	1.660.797.801
220	II. Tài sản cố định		31.323.910.902	35.946.433.347
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	31.323.910.902	35.946.433.347
222	- Nguyên giá		177.977.982.137	183.893.896.533
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(146.654.071.235)	(147.947.463.186)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		43.250.000	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		43.250.000	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		600.000.000	600.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4	1.185.000.000	1.185.000.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(585.000.000)	(585.000.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.042.165.974	2.847.666.918
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	1.042.165.974	2.847.666.918
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		497.388.173.697	504.028.709.560


CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**


Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		323.140.791.493	339.877.210.013
310	I. Nợ ngắn hạn		319.751.560.082	335.827.209.076
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	84.237.587.050	75.416.729.203
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	89.288.469.307	47.361.773.344
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	24.157.793.261	16.407.317.598
314	4. Phải trả người lao động		5.835.376.186	8.669.420.680
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	4.573.600.419	4.177.241.331
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	17.035.116.192	19.439.181.260
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	93.326.916.713	163.102.286.240
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	18	1.278.443.713	1.227.102.179
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		18.257.241	26.157.241
330	II. Nợ dài hạn		3.389.231.411	4.050.000.937
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	2.332.619.000	2.949.019.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	18	1.056.612.411	1.100.981.937
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		174.247.382.204	164.151.499.547
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	174.247.382.204	164.151.499.547
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		144.235.360.000	144.235.360.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		144.235.360.000	144.235.360.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		15.704.407.780	15.704.407.780
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		7.389.630.601	7.389.630.601
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		24.957.109.862	24.957.109.862
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(18.039.126.039)	(28.135.008.696)
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		(28.135.008.696)	(4.480.265.556)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		10.095.882.657	(23.654.743.140)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		497.388.173.697	504.028.709.560


Phan Thị Chuyên
Người lập


Lê Mạnh Đoàn
Phó trưởng phòng
Tài chính kế toán


Hoàng Văn Sơn
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2

Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	119.924.795.297	208.196.396.196
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		119.924.795.297	208.196.396.196
11	4. Giá vốn hàng bán	23	92.177.090.538	187.267.449.982
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		27.747.704.759	20.928.946.214
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	1.912.120	3.914.519
22	7. Chi phí tài chính	25	5.202.755.408	6.850.150.351
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		5.202.755.408	6.747.618.900
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	26	1.514.320.918	2.439.207.492
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	7.448.132.390	12.077.428.169
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		13.584.408.163	(433.925.279)
31	12. Thu nhập khác	28	995.926.655	1.335.087.040
32	13. Chi phí khác	29	36.509.174	1.086.437.124
40	14. Lợi nhuận khác		959.417.481	248.649.916
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		14.543.825.644	(185.275.363)
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	4.447.942.987	1.071.467.101
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>10.095.882.657</u>	<u>(1.256.742.464)</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		10.095.882.657	(1.256.742.464)
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		700	(87)

Phan Thị Chuyên
Người lập

Lê Mạnh Đoàn
Phó trưởng phòng
Tài chính kế toán

Hoàng Văn Sơn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu	6 tháng đầu
			năm 2021	năm 2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		14.543.825.644	(185.275.363)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		3.554.403.645	3.947.736.256
03	- Các khoản dự phòng		6.972.008	(189.584.977)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	48.104.815
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(993.338.775)	(1.144.018.920)
06	- Chi phí lãi vay		5.202.755.408	6.747.618.900
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		22.314.617.930	9.224.580.711
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		13.815.850.444	34.545.135.226
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(584.213.007)	47.376.693.370
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		51.351.928.522	(70.459.484.477)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		2.233.373.823	1.230.437.321
14	- Tiền lãi vay đã trả		(6.510.482.954)	(6.747.618.900)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(646.629.298)	(3.959.911.290)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.900.000)	(60.497.512)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		81.966.545.460	11.149.334.449
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(43.250.000)	(3.774.181.800)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2.059.545.455	1.140.104.401
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.912.120	3.914.519
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		2.018.207.575	(2.630.162.880)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		35.784.863.869	67.630.574.214
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(106.176.633.396)	(76.213.291.588)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(177.201.439)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(70.391.769.527)	(8.759.918.813)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021**(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu	6 tháng đầu
			năm 2021	năm 2020
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		13.592.983.508	(240.747.244)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		2.382.028.672	4.012.490.125
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>15.975.012.180</u>	<u>3.771.742.881</u>


Phan Thị Chuyên
Người lập

Lê Mạnh Đoàn
Phó trưởng phòng
Tài chính kế toán


Hoàng Văn Sơn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 2 là công ty cổ phần được chuyển đổi theo Quyết định số 2334/QĐ-BXD ngày 19 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty được cấp và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500236821 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 09 tháng 05 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 144.235.360.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 144.235.360.000 đồng; tương đương 14.423.536 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là: 243 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là: 254 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, sản xuất công nghiệp và kinh doanh bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: xây dựng các công trình thủy điện; xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng và hạ tầng đô thị; xây dựng đường dây tải điện, trạm biến thế);
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Chi tiết: xây dựng công trình giao thông: cầu, đường bộ, sân bay, bến cảng); Xây dựng công trình công ích (Chi tiết: xây dựng công trình thủy lợi; đê, đập, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu);
- Chuẩn bị mặt bằng (Chi tiết: nạo vét và bồi đắp mặt bằng nền công trình, thi công các loại móng công trình bằng phương pháp khoan nổ mìn; thi công cọc khoan nhồi; đóng ép cọc);
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: khai thác, chế biến và mua bán khoáng sản).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Trong 6 tháng đầu năm 2021, thị trường bất động sản thuận lợi dẫn tới giá bán đất tại các dự án bất động sản tăng cao, kết hợp với việc tiết giảm chi phí sản xuất kinh doanh dẫn tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty kỳ này tăng đột biến so với kỳ trước.

Cấu trúc Tập đoàn

Thông tin chi tiết về Công ty con được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 như sau:

Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C có trụ sở chính tại Km10, đường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con là xây lắp. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ góp vốn của Công ty tại Công ty con là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2

Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh), không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư và khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 năm đến 02 năm

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng bảo hành công trình được trích lập từ 2% đến 5% giá trị công trình dựa trên đặc điểm của từng công trình và đánh giá của Ban Giám đốc về thời gian và chi phí bảo hành thực tế.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2

Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2

Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản của dự án "Khu đô thị Hồ Xương Rồng, Thành phố Thái Nguyên", giá vốn bất động sản trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và được xác định tương ứng tính theo tổng chi phí dự toán của dự án trên cơ sở từng lô đất, diện tích đất và giá đất được Nhà nước giao cho chủ đầu tư theo Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 05 tháng 04 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt giá đất giao cho nhà đầu tư thực hiện dự án "Khu đô thị Hồ Xương Rồng, Thành phố Thái Nguyên".

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2

Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản của dự án "Khu nhà ở liền kề tại phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình", giá vốn bất động sản trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và được xác định tương ứng tính theo tổng chi phí dự toán của dự án trên cơ sở từng lô đất, diện tích đất và giá đất được Nhà nước giao cho chủ đầu tư theo Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc phê duyệt giá đất giao cho nhà đầu tư thực hiện dự án "Khu nhà ở liền kề tại phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình".

Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chi trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chi trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong kỳ và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

2.25 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.26 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Tiền mặt	524.491.702	464.723.800
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.450.520.478	1.917.304.872
	<u>15.975.012.180</u>	<u>2.382.028.672</u>

4 . ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	<u>30/06/2021</u>		<u>01/01/2021</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkđrinh (i)	600.000.000	-	600.000.000	-
- Công ty Cổ phần GSM (ii)	585.000.000	(585.000.000)	585.000.000	(585.000.000)
	<u>1.185.000.000</u>	<u>(585.000.000)</u>	<u>1.185.000.000</u>	<u>(585.000.000)</u>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(i) Khoản góp vốn được ủy thác qua Tổng Công ty Sông Đà vào Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkđrinh đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 phê duyệt thoái vốn theo Nghị quyết số 77/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/06/2021.

(ii) Khoản góp vốn đầu tư để thực hiện dự án dây truyền sản xuất gạch block với mục tiêu cung cấp gạch cho các dự án xây dựng tại khu đô thị Nam An Khánh. Tại thời điểm 30/06/2021, tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Sông Đà 2 là 19%, tỷ lệ biểu quyết là 19%. Khoản góp vốn được Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 phê duyệt phương án thoái vốn theo Nghị quyết số 77/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/06/2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2

- Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Chi nhánh Sông Đà 406 - Công ty Cổ phần Sông Đà 4 ⁽ⁱ⁾	38.688.570.748	-	38.688.570.748	-
- Chi nhánh Sông Đà 603 - Công ty Cổ phần Sông Đà 6 ⁽ⁱ⁾	12.725.550.478	-	12.725.550.478	-
- Chi nhánh Sông Đà 307 - Công ty Cổ phần Sông Đà 3 ⁽ⁱ⁾	3.287.016.957	-	3.287.016.957	-
- Ban điều hành dự án thủy điện Xe-ca-man 1 ⁽ⁱ⁾	872.955.267	-	872.955.267	-
- Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1 ⁽ⁱ⁾	123.487.248	-	123.487.248	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên ⁽ⁱⁱ⁾	25.985.076.737	-	25.985.076.737	-
- Công ty Cổ phần Vinapol	18.510.567.949	(5.844.230.501)	18.510.567.949	(5.844.230.501)
- Công ty TNHH đường BT Chu Văn An	17.608.762.453	-	16.751.635.768	-
- Công ty Lotte Engineering and construction co.,LTD ⁽ⁱⁱⁱ⁾	10.273.909.514	-	10.273.909.514	-
- Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng Xuân Mai	7.711.820.755	-	12.711.820.755	-
- Ban điều hành gói thầu số 4 - Tổng Công ty Sông Đà ⁽ⁱⁱⁱ⁾	5.734.988.755	-	1.012.672.543	-
- Tổng Công ty Sông Đà - CTCP ^(iv)	4.758.283.171	-	12.019.203.157	-
+ Công trình hoàn thiện tầng hầm Nhà Quốc Hội	1.140.296.055	-	1.940.296.055	-
+ Công trình thủy điện Lai Châu hạng mục sân vườn, cảnh quan, đường giao thông	-	-	4.584.687.111	-
+ Công trình thủy điện Lai Châu hạng mục gia cố bờ trái	2.718.260.000	-	2.718.260.000	-
+ Công trình thủy điện Lai Châu hạng mục gia cố bờ phải	825.635.008	-	1.218.433.263	-
+ Các công trình khác	74.092.108	-	1.557.526.728	-
- Công ty TNHH Phước An	1.343.966.395	-	1.343.966.395	-
- Phải thu các đối tượng khác	65.391.301.713	(5.297.658.787)	74.742.859.047	(5.297.658.787)
	213.016.258.140	(11.141.889.288)	229.049.292.563	(11.141.889.288)
b) Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	97.112.543.810	-	99.620.202.601	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2

Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

5 .PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản công nợ phải thu:

(i) Đây là các khoản phải thu liên quan đến việc thi công công trình Thủy điện Xekaman 1, trong đó, Tổng Công ty Sông Đà - CTCP là nhà thầu chính, Công ty và các đơn vị thành viên (Ban điều hành dự án Xekaman 1, Công ty Cổ phần Sông Đà 3, Công ty Cổ phần Sông Đà 4, Công ty Cổ phần Sông Đà 6 ...) là nhà thầu phụ cho Tổng Công ty. Nội dung phải thu liên quan đến tiền cấp phối đá dăm, cát nhân tạo, cốt liệu ... để các nhà thầu phụ này thi công. Hiện Tổng Công ty đang chỉ đạo các đơn vị có liên quan để tập hợp hồ sơ quyết toán gửi Chủ đầu tư xem xét, trong giai đoạn quyết toán công trình, chủ đầu tư sẽ giữ lại các khoản công nợ với Tổng thầu và nhà thầu thi công cho đến khi hoàn thành xong quyết toán. Do đó, giữa Công ty và các đơn vị kể trên đã thỏa thuận khoản công nợ phải thu sẽ được thanh toán trong vòng 45 ngày kể từ ngày Ban điều hành dự án thủy điện Xekaman 1 thanh toán cho các đơn vị này.

(ii) Đây là tiền khối lượng xây lắp công trình thủy điện Hà Tây. Do Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Nguyên (gọi tắt là "Sông Đà Tây Nguyên") đang gặp khó khăn nên chưa thể thanh toán khoản công nợ nêu trên. Giữa Công ty và Sông Đà Tây Nguyên đã có biên bản làm việc về việc thanh toán công nợ vào ngày 01/07/2019, theo đó, Sông Đà Tây Nguyên đang trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án tái cấu trúc công ty, Sông Đà Tây Nguyên cam kết sẽ thanh toán công nợ trong vòng 60 ngày kể từ ngày phương án tái cấu trúc được phê duyệt.

(iii) Đây là tiền khối lượng xây lắp công trình đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi.

(iv) Khoản công nợ trong kỳ được giảm theo Biên bản làm việc ngày 24 tháng 06 năm 2021 về việc xử lý công nợ giữa Tổng Công ty Sông Đà với Công ty Cổ phần Sông Đà 2 và Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C. Số dư công nợ phải thu Tổng Công ty Sông Đà tại thời điểm 30/06/2021, Tổng Công ty cam kết sẽ thanh toán đầy đủ các khoản nợ đến hạn trước ngày 31/08/2021.

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần ĐT và XD nền móng Jikon	4.579.347.750	-	4.579.347.750	-
- Công ty TNHH Nam Phúc An	1.154.136.233	-	1.709.421.246	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Quang Dũng	1.367.687.582	(1.367.687.582)	1.367.687.582	(1.367.687.582)
- Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế Xuân Mai	217.971.332	-	217.971.332	-
- Các nhà cung cấp khác	1.195.825.677	(350.420.287)	3.847.737.114	(350.420.287)
	8.514.968.574	(1.718.107.869)	11.722.165.024	(1.718.107.869)

7 . TÀI SẢN THIỂU CHỜ XỬ LÝ

	30/06/2021	01/01/2021
	Giá trị	Giá trị
	VND	VND
- Hàng tồn kho	3.157.359.034	3.157.359.034
+ Kho công trình Lào Cai	317.543.021	317.543.021
+ Kho công trình Thái Nguyên	2.839.816.013	2.839.816.013
	3.157.359.034	3.157.359.034

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

8 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Tạm ứng	14.677.380.306	-	14.844.775.385	-
Các khoản tạm ứng phục vụ thi công khó đòi	2.105.867.616	(2.105.867.616)	2.105.867.616	(2.105.867.616)
Ký cược, ký quỹ Công ty Cổ phần Sông Đà 207	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào ⁽ⁱ⁾	1.067.456.588	(1.067.456.588)	1.067.456.588	(1.067.456.588)
Phải thu đội thi công ⁽ⁱⁱ⁾	647.985.951	-	647.985.951	-
Phải thu khác	19.065.966.097	-	16.534.140.412	-
	8.078.030.746	(1.367.670.893)	8.700.141.335	(1.367.670.893)
	45.642.687.304	(4.540.995.097)	43.900.367.287	(4.540.995.097)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	1.689.232.090	-	1.610.797.801	-
Phải thu khác	-	-	50.000.000	-
	1.689.232.090	-	1.660.797.801	-
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
	234.748.250	-	234.748.250	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)⁽ⁱ⁾ Đây là khoản phải thu liên quan đến việc thi công công trình Thủy điện Xekaman 1.⁽ⁱⁱ⁾ Phải thu các đội thi công tại Công ty con**9 . NỢ XẤU**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Vinapol	5.844.230.501	-	5.844.230.501	-
- Công ty Xây dựng Công trình giao thông 528	1.445.265.867	-	1.445.265.867	-
- Công ty Cổ phần Sông Đà 207	1.067.456.588	-	1.067.456.588	-
- Nhà máy xi măng Hoàng Mai	967.818.913	-	967.818.913	-
- Các khoản khác	8.259.616.884	183.396.499	8.259.616.884	183.396.499
	17.584.388.753	183.396.499	17.584.388.753	183.396.499

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

10 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	9.771.080.792	-	4.376.128.705	-
Công cụ, dụng cụ	1.079.635.795	-	1.224.962.977	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang hoạt động sản xuất công nghiệp	695.538.000	-	2.036.975.885	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang hoạt động xây lắp ⁽ⁱ⁾	131.774.291.853	-	106.885.308.303	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang hoạt động bất động sản ⁽ⁱⁱ⁾	31.268.754.830	-	60.460.319.482	-
Thành phẩm	9.512.320.294	-	8.533.713.205	-
Hàng hoá ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.902.436.000	-	1.902.436.000	-
	186.004.057.564	-	185.419.844.557	-

⁽ⁱ⁾ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang hoạt động xây lắp chủ yếu là chi phí phát sinh của các công trình đang trong quá trình xây dựng dở dang. Chi tiết như sau:

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Công trình thủy điện Xekaman 1 ^(*)	25.962.772.825	25.962.772.825
- Công trình 196 căn biệt thự liền kề Dương Nội	24.567.183.250	-
- Công trình Nhà máy thép Hòa Phát - Quảng Ngãi	4.299.469.686	3.633.533.820
- Công trình cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi	8.005.985.059	7.505.502.513
- Công trình Nhà thấp tầng tiểu khu IRIS Gia Sàng	30.107.312.771	30.756.385.455
- Công trình nhà ở thấp tầng KVI - Nam An Khánh	6.536.265.851	10.366.320.000
- Công trình Đường giao thông Khu tưởng niệm Chu Văn An	6.523.568.784	7.648.820.436
- Các công trình khác	25.771.733.627	21.011.973.254
	131.774.291.853	106.885.308.303

^(*) Công trình thủy điện Xekaman 1: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chủ yếu là giá trị chi phí sản xuất dở dang của một số hạng mục chưa được nghiệm thu hoặc đang chờ bù giá từ phía Ban điều hành dự án và Chủ đầu tư. Mặc dù, công trình Thủy điện Xekaman 1 đã hoàn thành và đi vào phát điện cuối năm 2016 nhưng các bên đang tiến hành nghiệm thu các hạng mục hoàn thành và đang chờ thỏa thuận về bù giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

(ii) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang hoạt động bất động sản chủ yếu là chi phí phát sinh của các dự án đang trong quá trình thực hiện. Chi tiết như sau:

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng, thành phố Thái Nguyên (**)	29.756.522.724	54.529.056.544
- Dự án khu nhà ở liền kề P. Hữu Nghị, TP. Hòa Bình	1.512.232.106	5.931.262.938
	31.268.754.830	60.460.319.482

(**) Dự án với quy mô tổng cộng là 45,05 ha với mục tiêu đầu tư xây dựng Khu đô thị hoàn chỉnh và đồng bộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật, kiến trúc cảnh quan theo hướng hiện đại và theo quy hoạch được duyệt tại vị trí phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ theo Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 29/04/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng khu đô thị Hồ Xương Rồng, UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị Hồ Xương Rồng với thời hạn gia hạn đến hết quý 4 năm 2022. Hiện tại, dự án vẫn còn một số hạng mục vẫn đang thi công do chưa giải phóng xong mặt bằng và thực hiện bán bất động sản đối với các hạng mục đã hoàn thành.

(iii) Hàng hóa bất động sản là căn hộ chung cư tại khu đô thị Dương Nội.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	29.481.000	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	817.103.616	1.278.070.495
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.613.000	-
	850.197.616	1.278.070.495
b) Dài hạn		
Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	885.873.831	2.182.634.938
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	38.777.339	514.446.315
Chi phí trả trước dài hạn khác	117.514.804	150.585.665
	1.042.165.974	2.847.666.918

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2

Km.10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	15.354.101.178	114.302.120.331	53.886.761.954	350.913.070	183.893.896.533
- Thanh lý, nhượng bán	-	(634.618.586)	(5.281.295.810)	-	(5.915.914.396)
Số dư cuối kỳ	15.354.101.178	113.667.501.745	48.605.466.144	350.913.070	177.977.982.137
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	7.982.348.397	88.359.501.016	51.473.795.591	131.818.182	147.947.463.186
- Khấu hao trong kỳ	240.941.664	2.376.208.360	703.209.875	-	3.554.403.645
- Thanh lý, nhượng bán	-	(216.828.866)	(4.630.966.730)	-	(4.847.795.596)
Số dư cuối kỳ	8.223.290.061	90.518.880.510	47.546.038.736	131.818.182	146.654.071.235
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	7.371.752.781	25.942.619.315	2.412.966.363	219.094.888	35.946.433.347
Tại ngày cuối kỳ	7.130.811.117	23.148.621.235	1.059.427.408	219.094.888	31.323.910.902
<i>Trong đó:</i>					
-	Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 28.062.247.252 đồng.				
-	Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 98.671.422.393 đồng.				

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần SXDV và TM Phát Linh	6.562.597.866	6.562.597.866	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Sông Đà Việt Đức	2.917.224.200	2.917.224.200	-	-
- Công ty TNHH Á Châu	2.722.229.916	2.722.229.916	2.722.229.916	2.722.229.916
- Công ty TNHH Thương mại Thái Bắc	2.513.982.840	2.513.982.840	672.000.040	672.000.040
- Công ty cổ phần đầu tư Bảo An	2.064.634.829	2.064.634.829	3.686.849.329	3.686.849.329
- Cty TNHH vật liệu xây dựng Phúc Thịnh	1.759.652.700	1.759.652.700	1.458.326.100	1.458.326.100
- Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	-	-	1.041.124.080	1.041.124.080
- Các nhà cung cấp khác	65.697.264.699	65.697.264.699	65.836.199.738	65.836.199.738
	84.237.587.050	84.237.587.050	75.416.729.203	75.416.729.203
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan				
	2.235.916.398	2.235.916.398	3.277.040.478	3.277.040.478

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)***14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi tiết theo đối tượng có số dư lớn		
- Chi nhánh Hà Tây - Công ty Cổ phần tập đoàn Nam Cường Hà Nội	10.919.374.865	529.677.365
- Công ty TNHH Hà Thành	8.535.944.850	8.535.944.850
- Công ty Cổ phần 479 Hòa Bình	4.614.027.764	-
- Công ty TNHH đường BT Chu Văn An	6.790.895.980	7.608.532.666
- Công ty Cổ phần thương mại Thái Hưng	6.064.796.282	5.814.505.282
- Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội	1.000.000.000	1.000.000.000
- Người mua trả tiền trước dự án Hồ Xương Rồng	45.903.063.586	19.960.430.860
- Các khách hàng khác	5.460.365.980	3.912.682.321
	89.288.469.307	47.361.773.344

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2

Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	6.741.311.077	5.723.933.345	3.013.707.799	-	9.451.536.623	-	9.451.536.623	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	189.235.666	1.659.748.604	4.447.942.987	646.629.298	-	5.271.826.627	-	5.271.826.627	-	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	184.011.838	82.980.522	5.815.710	-	261.176.650	-	261.176.650	-	-	-	-
Thuế Tài nguyên	-	2.821.031.873	1.700.901.665	1.950.210.168	-	2.571.723.370	-	2.571.723.370	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	357.875.937	9.467.352.081	9.099.399.527	-	725.828.491	-	725.828.491	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	1.523.759.441	2.569.300	2.836.000	-	1.523.492.741	-	1.523.492.741	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.119.578.828	1.840.560.136	607.930.205	-	4.352.208.759	-	4.352.208.759	-	-	-	-
	189.235.666	16.407.317.598	23.266.240.036	15.326.528.707	-	24.157.793.261	-	24.157.793.261	-	-	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
- Công trình khu đô thị Hồ Xương Rồng	1.923.263.431	2.181.510.981
- Công trình Hòa Phát	127.605.033	127.605.033
- Chi phí phải trả các công trình khác	2.522.731.955	1.868.125.317
	<u>4.573.600.419</u>	<u>4.177.241.331</u>

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	679.272.807	579.539.798
- Bảo hiểm xã hội	2.478.753.468	3.427.961.265
- Bảo hiểm y tế	303.350.536	227.773.234
- Bảo hiểm thất nghiệp	165.740.167	136.952.425
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8.654.262.675	8.654.262.675
- Phải trả lãi vay	-	1.307.727.546
- Công ty Cổ phần Sông Đà 8	991.328.313	991.328.313
- Phải trả các đội thi công công trình	1.127.586.661	1.130.205.945
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.634.821.565	2.983.430.059
	<u>17.035.116.192</u>	<u>19.439.181.260</u>

18 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.278.443.713	1.227.102.179
- Chi phí hoàn nguyên mỏ đá Tân Trung	148.394.498	-
- Chi phí hoàn nguyên mỏ đá Trung Mẫu	1.130.049.215	1.227.102.179
	<u>1.278.443.713</u>	<u>1.227.102.179</u>
b) Dài hạn		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	1.056.612.411	1.100.981.937
	<u>1.056.612.411</u>	<u>1.100.981.937</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2

Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

19 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2021		Trong kỳ		30/06/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây ⁽¹⁾	139.538.403.067	139.538.403.067	35.784.863.869	83.229.150.223	92.094.116.713	92.094.116.713
- Vay cá nhân	26.903.407.000	26.903.407.000	2.400.000.000	29.303.407.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả						
- Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Hà Nội	23.563.883.173	23.563.883.173	616.400.000	22.947.483.173	1.232.800.000	1.232.800.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch III	11.037.862.064	11.037.862.064	-	11.037.862.064	-	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch III	11.293.221.109	11.293.221.109	-	11.293.221.109	-	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây ⁽²⁾	1.232.800.000	1.232.800.000	616.400.000	616.400.000	1.232.800.000	1.232.800.000
	163.102.286.240	163.102.286.240	36.401.263.869	106.176.633.396	93.326.916.713	93.326.916.713
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Hà Nội	11.037.862.064	11.037.862.064	-	11.037.862.064	-	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch III	11.293.221.109	11.293.221.109	-	11.293.221.109	-	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây ⁽²⁾	4.181.819.000	4.181.819.000	-	616.400.000	3.565.419.000	3.565.419.000
	26.512.902.173	26.512.902.173	-	22.947.483.173	3.565.419.000	3.565.419.000
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(23.563.883.173)	(23.563.883.173)	(616.400.000)	(22.947.483.173)	(1.232.800.000)	(1.232.800.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	2.949.019.000	2.949.019.000			2.332.619.000	2.332.619.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2

Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Bao gồm các hợp đồng tín dụng sau:

(a) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2020/177560/HHĐTD ngày 31/08/2020, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, thẻ tín dụng doanh nghiệp;
- + Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 31 tháng 08 năm 2021;
- + Lãi suất cho vay: theo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 28.150.907.038 đồng;
- + Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

(b) Hợp đồng tín dụng số 01/2020/177912/HĐTD ngày 30/11/2020, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;
- + Thời hạn của hợp đồng: Kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/10/2021;
- + Lãi suất cho vay: theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là: 63.943.209.675 đồng;
- + Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng tài sản cố định.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(2) Bao gồm các hợp đồng tín dụng sau:

(a) Hợp đồng tín dụng số 02/2018/177912/HĐTD ngày 16/11/2018, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 3.164.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: đầu tư 01 máy xúc đào bánh xích và 01 máy xúc lật nâng cao năng lực thiết bị sản xuất kinh doanh của Công ty;
- + Thời hạn của hợp đồng: 60 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 10,5% đến hết ngày 30/06/2020 và các kỳ sau lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 1.582.000.000 đồng, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 632.800.000 đồng;
- + Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng tài sản cố định.

(b) Hợp đồng tín dụng số 02/2019/177912/HĐTD ngày 24/12/2019, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 2.883.419.000 đồng;
- + Mục đích vay: đầu tư mua hệ thống giáo chống Ringlok (7000m2) và 04 vận thăng hàng phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty;
- + Thời hạn của hợp đồng: 60 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 10,5% đến hết ngày 31/12/2020 và các kỳ sau lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 1.983.419.000 đồng, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 600.000.000 đồng;
- + Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng tài sản cố định.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2

Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	144.235.360.000	15.704.407.780	7.389.630.601	24.957.109.862	(4.374.094.117)	187.912.414.126						
Lỗ trong kỳ trước	-	-	-	-	-	(1.256.742.464)						
Thù lao Hội đồng quản trị và ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(58.497.512)						
Số dư cuối kỳ trước	144.235.360.000	15.704.407.780	7.389.630.601	24.957.109.862	(5.689.334.093)	186.597.174.150						
Số dư đầu kỳ này	144.235.360.000	15.704.407.780	7.389.630.601	24.957.109.862	(28.135.008.696)	164.151.499.547						
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	10.095.882.657	10.095.882.657						
Số dư cuối kỳ này	144.235.360.000	15.704.407.780	7.389.630.601	24.957.109.862	(18.039.126.039)	174.247.382.204						

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ		Đầu kỳ		Tỷ lệ	
	VND	VND	VND	VND	(%)	(%)
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	58.800.000.000	58.800.000.000	58.800.000.000	58.800.000.000	40,77%	40,77%
Ông Kang Byung Gyu	8.500.000.000	8.500.000.000	8.500.000.000	8.500.000.000	5,89%	5,89%
Ông Nguyễn Hồng Dương	-	-	8.600.000.000	8.600.000.000	0,00%	5,96%
Ông Dương Ngọc Hải	17.801.290.000	17.801.290.000	-	-	12,34%	0,00%
Ông Bùi Xuân Ngọc	7.997.000.000	7.997.000.000	-	-	5,54%	0,00%
Ông Hoàng Văn Sơn	10.610.060.000	10.610.060.000	-	-	7,36%	0,00%
Các cổ đông khác	40.527.010.000	40.527.010.000	68.335.360.000	68.335.360.000	28,10%	47,38%
	144.235.360.000	144.235.360.000	144.235.360.000	144.235.360.000	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	144.235.360.000	144.235.360.000
+ <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>144.235.360.000</i>	<i>144.235.360.000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>144.235.360.000</i>	<i>144.235.360.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận:	-	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	<i>8.654.262.675</i>	<i>8.831.464.114</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước phải trả trong kỳ</i>	<i>-</i>	<i>(177.201.439)</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	<i>8.654.262.675</i>	<i>8.654.262.675</i>

d) Cổ phiếu

	30/06/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.423.536	14.423.536
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	14.423.536	14.423.536
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>14.423.536</i>	<i>14.423.536</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.423.536	14.423.536
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>14.423.536</i>	<i>14.423.536</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	24.957.109.862	24.957.109.862
	24.957.109.862	24.957.109.862

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký hợp đồng thuê đất với Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội tại vị trí Km10, đường Nguyễn Trãi, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội để sử dụng với mục đích kinh doanh đến hết ngày 24/12/2057. Diện tích khu đất thuê là 592,8 m2. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	30/06/2021	01/01/2021
Đồng đô la Mỹ (USD)	454,19	487,93

22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	72.181.619.131	55.317.238.484
Doanh thu hoạt động sản xuất đá công nghiệp	26.010.643.700	26.377.563.682
Doanh thu hoạt động xây lắp	18.934.535.086	123.655.720.637
Doanh thu cung cấp dịch vụ và các hoạt động khác	2.797.997.380	2.845.873.393
	119.924.795.297	208.196.396.196

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021**23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản	49.277.475.149	43.681.255.315
Giá vốn hoạt động sản xuất đá công nghiệp	21.342.424.053	20.510.530.319
Giá vốn hoạt động xây lắp	18.250.275.351	118.097.770.699
Giá vốn cung cấp dịch vụ và các hoạt động khác	3.306.915.985	4.977.893.649
	92.177.090.538	187.267.449.982

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.912.120	3.914.519
	1.912.120	3.914.519

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	5.202.755.408	6.747.618.900
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	54.426.636
Lỗi chênh lệch tỷ giá đo đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	48.104.815
	5.202.755.408	6.850.150.351

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	429.923.563	497.630.843
Chi phí nhân công	962.900.430	1.354.477.932
Chi phí dịch vụ mua ngoài	121.496.925	587.098.717
	1.514.320.918	2.439.207.492

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	219.752.549	543.859.685
Chi phí nhân công	5.686.329.073	7.457.495.174
Chi phí khấu hao tài sản cố định	241.754.989	413.580.733
Thuế, phí, lệ phí	117.878.769	264.272.709
Hoàn nhập dự phòng	-	(15.844.463)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	651.669.206	1.403.680.695
Chi phí khác bằng tiền	530.747.804	2.010.383.636
	7.448.132.390	12.077.428.169

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

28 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	991.426.655	1.140.104.401
Thu nhập khác	4.500.000	194.982.639
	995.926.655	1.335.087.040

29 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Các khoản bị phạt	10.858.192	962.446.215
Chi phí khác	25.650.982	123.990.909
	36.509.174	1.086.437.124

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	3.288.554.608	1.071.467.101
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.288.554.608	1.071.467.101
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	1.159.388.379	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	1.470.512.938	4.722.704.871
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(646.629.298)	(3.959.911.290)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	5.271.826.627	1.834.260.682

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	10.095.882.657	(1.256.742.464)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	10.095.882.657	(1.256.742.464)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	14.423.536	14.423.536
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	700	(87)

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.280.246.208	61.952.293.691
Chi phí nhân công	13.304.587.469	32.713.673.565
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.554.403.645	3.947.736.256
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.162.393.600	51.944.348.738
Chi phí khác bằng tiền	8.172.501.026	5.813.447.868
	<u>96.474.131.948</u>	<u>156.371.500.118</u>

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.975.012.180	-	2.382.028.672	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	260.348.177.534	(15.682.884.385)	274.610.457.651	(15.682.884.385)
	<u>276.323.189.714</u>	<u>(15.682.884.385)</u>	<u>276.992.486.323</u>	<u>(15.682.884.385)</u>
			Giá trị sổ kế toán	
			30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			95.659.535.713	166.051.305.240
Phải trả người bán, phải trả khác			101.272.703.242	94.855.910.463
Chi phí phải trả			4.573.600.419	4.177.241.331
			<u>201.505.839.374</u>	<u>265.084.457.034</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.975.012.180	-	-	15.975.012.180
Phải thu khách hàng, phải thu khác	242.976.061.059	1.689.232.090	-	244.665.293.149
	<u>258.951.073.239</u>	<u>1.689.232.090</u>	<u>-</u>	<u>260.640.305.329</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.382.028.672	-	-	2.382.028.672
Phải thu khách hàng, phải thu khác	257.266.775.465	1.660.797.801	-	258.927.573.266
	<u>259.648.804.137</u>	<u>1.660.797.801</u>	<u>-</u>	<u>261.309.601.938</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2

Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2021				
Vay và nợ	93.326.916.713	2.332.619.000	-	95.659.535.713
Phải trả người bán, phải trả khác	101.272.703.242	-	-	101.272.703.242
Chi phí phải trả	4.573.600.419	-	-	4.573.600.419
	199.173.220.374	2.332.619.000	-	201.505.839.374
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	163.102.286.240	2.949.019.000	-	166.051.305.240
Phải trả người bán, phải trả khác	94.855.910.463	-	-	94.855.910.463
Chi phí phải trả	4.177.241.331	-	-	4.177.241.331
	262.135.438.034	2.949.019.000	-	265.084.457.034

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÓNG ĐÀ 2

Kim 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021**35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Hoạt động xây lắp	Hoạt động sản xuất công nghiệp	Các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	72.181.619.131	18.934.535.086	26.010.643.700	2.797.997.380	119.924.795.297
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	22.904.143.982	684.259.735	4.668.219.647	(508.918.605)	27.747.704.759
Tài sản bộ phận	27.147.202.644	422.083.292.375	29.630.013.307	-	478.860.508.326
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	18.527.665.371
Tổng tài sản	27.147.202.644	422.083.292.375	29.630.013.307	-	497.388.173.697
Nợ phải trả bộ phận	52.470.121.942	217.469.121.613	17.474.975.627	-	287.414.219.182
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	35.726.572.311
Tổng nợ phải trả	52.470.121.942	217.469.121.613	17.474.975.627	-	323.140.791.493
Theo khu vực địa lý					

Do toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	Công ty mẹ
Ban điều hành dự án Thủy điện Xe-ka-man 1	Ban quản lý trực thuộc tập đoàn
Ban điều hành dự án Thủy điện Huội Quảng	Ban quản lý trực thuộc tập đoàn
Ban điều hành dự án Thủy điện Hòa Na	Ban quản lý trực thuộc tập đoàn
Ban điều hành gói thầu số 4	Ban quản lý trực thuộc tập đoàn
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	Cùng công ty mẹ
Công ty cổ phần Sông Đà 3	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Cùng công ty mẹ
Ông Dương Ngọc Hải	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 02 tháng 07 năm 2021)
Ông Nguyễn Văn Ngọc	Miễn nhiệm chức danh "Chủ tịch HĐQT" và bổ nhiệm chức danh "Ủy viên HĐQT" ngày 02 tháng 07 năm 2021
Ông Bùi Xuân Ngọc	Ủy viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2021)
Ông Nguyễn Vũ Luật	Ủy viên HĐQT
Ông Đào Đức Phong	Ủy viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2021)
Ông Nguyễn Hồng Dương	Ủy viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2021)
Ông Hoàng Văn Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Đức Phong	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 06 năm 2021)

Công ty có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng	97.112.543.810	99.620.202.601
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	4.758.283.171	12.019.203.157
Ban điều hành dự án Thủy điện Huội Quảng	645.661.824	614.716.841
Ban điều hành dự án Thủy điện Hòa Na	383.060.480	383.060.480
Ban điều hành dự án thủy điện Bản Vẽ	3.907.892.145	3.907.892.145
Ban điều hành dự án Thủy điện Xe-ka-man 1	872.955.267	872.955.267
Ban điều hành gói thầu số 4	5.734.988.755	1.012.672.543
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	12.725.550.478	12.725.550.478
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	38.688.570.748	38.688.570.748
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	3.287.016.957	3.287.016.957
Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	123.487.248	123.487.248
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên	25.985.076.737	25.985.076.737

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2Km 10, Đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác	234.748.250	234.748.250
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	234.748.250	234.748.250
Phải trả người bán ngắn hạn	2.235.916.398	3.277.040.478
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	-	1.041.124.080
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	14.498.086	14.498.086
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	1.897.401.344	1.897.401.344
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	229.953.012	229.953.012
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà	94.063.956	94.063.956

Thu nhập của các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:


	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Ông Dương Ngọc Hải	-	-
Ông Nguyễn Văn Ngọc	190.098.250	195.630.018
Ông Bùi Xuân Ngọc	-	-
Ông Nguyễn Vũ Luật	-	22.499.043
Ông Đào Đức Phong	146.330.671	-
Ông Nguyễn Hồng Dương	-	-
Ông Hoàng Văn Sơn	162.324.691	173.358.081
Ông Lê Văn Toàn	146.330.671	146.963.490

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH


Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.



Phan Thị Chuyên
Người lập



Lê Mạnh Đoàn
Phó trưởng phòng
Tài chính kế toán



Hoàng Văn Sơn
Tổng Giám đốc


Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2021

HÃNG KIỂM TOÁN AASC

AASC TẠI HÀ NỘI - TRỤ SỞ CHÍNH

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973

E: aasc@aasc.com.vn

A: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

AASC TẠI TP HỒ CHÍ MINH

T: (84) 28 3945 0505 - (84) 28 3945 0606 | F: (84) 28 3945 1106

E: aaschcm@aasc.com.vn

A: Tầng 3, Tòa nhà Galaxy 9, số 9 Nguyễn Khoái, Phường 1, Quận 4, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

AASC TẠI QUẢNG NINH

T: (84) 203 3627 571 | F: (84) 203 3627 572

E: aascqn@aasc.com.vn

A: Số 8 Chu Văn An, Hạ Long, Quảng Ninh, Việt Nam